

**Đề thi thử THPT Quốc gia năm 2019**

# **Môn Sinh**

**trường THPT Tam Nông - Phú Thọ lần 1**

## I. Nhận biết

**Câu 1:** Thụ thể tiếp nhận chất trung gian hoá học nằm ở bộ phận nào của xinap?

- A. Màng trước xinap.      B. Khe xinap.      C. Chuỳ xinap.      D. Màng sau xinap.

**Câu 2:** Loài động vật nào sau đây **không** có hình thức sinh sản đặc biệt là trinh sinh?

- A. Mối.      B. Ong mật.      C. Kiến.      D. Bọ xít.

**Câu 3:** Máu trao đổi chất với tế bào ở đâu?

- A. Qua thành tĩnh mạch và mao mạch.      B. Qua thành mao mạch.  
C. Qua thành động mạch và mao mạch.      D. Qua thành động mạch và tĩnh mạch.

**Câu 4:** Sản phẩm chủ yếu của pha tối tại tế bào lục lạp bao bố mạch trong quá trình quang hợp ở thực vật C4 là:

- A. ATP, ADPH.      B. Ribuloro 1, 5diphotphat và glucosơ.  
C. AOA và AM.      D. Axit pirruvic.

**Câu 5:** Giai đoạn đường phân trong quá trình hô hấp nội bào của thực vật diễn ra tại:

- A. Bào tương.      B. Không gian giữa hai màng ti thể.  
C. Chất nền ti thể.      D. Màng trong ti thể.

**Câu 6:** Theo lý thuyết thời gian rụng trứng trung bình vào ngày thứ mấy trong chu kì kinh nguyệt ở người?

- A. Ngày thứ 25.      B. Ngày thứ 13.      C. Ngày thứ 12.      D. Ngày thứ 14.

**Câu 7:** Nơi nước và các chất hoà tan đi qua trước khi vào mạch gỗ của rễ là:

- A. Tế bào lông hút.      B. Tế bào nội bì.      C. Tế bào biểu bì.      D. Tế bào vỏ.

**Câu 8:** Tế bào kê tiết ra

- A. tinh trùng.      B. FSH.      C. Testôstêron.      D. GnRH.

**Câu 9:** Đới mã đặc hiệu trên phân tử tARN được gọi là

- A. codon.      B. axit amin.      C. anticodon.      D. triplet.

**Câu 10:** Cho hai NST có trật tự sắp xếp các gen là:

ABCD\*EGH và MN\*PQO.

Sau đột biến hai NST có trật tự sắp xếp các gen như sau: ABCQD\*EGH và MN\*PO

Đây là dạng đột biến cấu trúc NST

- A. Lặp đoạn.      B. đảo đoạn.  
C. chuyển đoạn tương hỗ.      D. chuyển đoạn không tương hỗ.

**Câu 11:** Trong các mức cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể điển hình ở sinh vật nhân thực, mức cấu trúc nào sau đây có đường kính 11 nm?

- A. Sợi cơ bản.      B. Sợi nhiễm sắc.      C. Crômatit.      D. Vùng xếp cuộn.

**Câu 12:** Nhận xét nào về tính chất của thường biến là **sai**? A. phụ thuộc vào môi trường.

- B. dựa vào thường biến để định ra cỡ xuất chủng  
C. Không di truyền.  
D. Những thay đổi kiểu hình không do gen qui định.

**Câu 13:** Cho bí đẹt dị hợp hai cặp gen lai với nhau F1 thu được tỉ lệ 9/16 bí đẹt : 6/16 bó tròn : 1/16 bí dài. Hình dạng bí là kết quả của sự

- A. tác động cộng gộp.
- B. tác động đa hiệu của gen.
- C. tương tác bổ trợ.
- D. tương tác trội lặn không hoàn toàn.

**Câu 14:** Thể đa bội lẻ

- A. không có khả năng sinh sản hữu tính bình thường.
- B. có khả năng sinh sản hữu tính bình thường.
- C. có hàm lượng ADN nhiều gấp hai lần so với thể lưỡng bội.
- D. có tế bào mang bộ nhiễm sắc thể  $2n+1$ .

**Câu 15:** Nội dung chính của sự điều hòa hoạt động gen là

- A. điều hòa quá trình dịch mã.
- B. điều hòa lượng sản phẩm của gen.
- C. điều hòa quá trình phiên mã.
- D. điều hoà hoạt động nhân đôi ADN.

**Câu 16:** Tỉ lệ kiểu hình ở tinh trạng thứ nhất là 3:1, tỉ lệ kiểu hình ở tinh trạng 2 là 1:2:1. Trong trường hợp các tính trạng này di truyền theo quy luật phân li độc lập thì tỉ lệ chung của cả 2 tinh trạng là:

- A. 1:2:1:3:1:6.
- B. 6:3:1:1:2:2.
- C. 6:3:3:2:1:1.
- D. 3:6:3:2:2:1.

**Câu 17:** Trên mRNA axit amin Asparagin được mã hóa bởi bộ ba GAU, tARN mang axit amin này có bộ ba đối mã là

- A. 3' XUA 5'.
- B. 3' XTA 5'.
- C. 5' XUA 3'.
- D. 5' XTA 3'.

**Câu 18:** Ở người, tính trạng có túm lông trên tai di truyền

- A. thẳng theo bố.
- B. chéo giới.
- C. độc lập với giới tính.
- D. theo dòng mẹ.

**Câu 19:** Ở Operon Lac, theo chiều trượt của enzim phiên mã thì thứ tự các thành phần là

- A. Gen điều hòa, vùng khởi động (P), vùng vận hành (O), gen cấu trúc Z, Y, A.
- B. Vùng vận hành (O), vùng khởi động (P), gen cấu trúc Z, Y, A.
- C. Gen điều hòa, vùng vận hành (O), vùng khởi động (P), gen cấu trúc Z, Y, A.
- D. Vùng khởi động (P), vùng vận hành (O), gen cấu trúc Z, Y, A.

**Câu 20:** Đột biến nào **không** làm thay đổi số lượng gen trên nhóm liên kết?

- A. Chuyển đoạn trong cùng một NST.
- B. Mất đoạn.
- C. Lặp đoạn.
- D. Chuyển đoạn tương hỗ.

**Câu 21:** Hợp tử được hình thành trong trường hợp nào sau đây có thể phát triển thành đa bội lẻ?

- A. Giao tử (n) kết hợp với giao tử (n+1).
- B. Giao tử (n) kết hợp với giao tử (2n).
- C. Giao tử (n-1) kết hợp với giao tử (n+1).
- D. Giao tử (2n) kết hợp với giao tử (2n).

**Câu 22:** Tương tác gen theo kiểu bổ trợ với tỷ lệ 9: 3: 3: 1. Khi cho F1 dị hợp hai cặp gen lai phân tích Fb phân li theo tỷ lệ

- A. 1: 1: 1: 1.
- B. 1: 2: 1.
- C. 3: 1
- D. 1: 1.

## II. Thông hiểu

**Câu 23:** Phổi của chim có cấu tạo khác với phổi của các động vật trên cạn khác như thế nào?

- A. Phế quản phân nhánh nhiều.
- B. Có nhiều phế nang.
- C. Khí quản dài.
- D. Có nhiều ống khí.

**Câu 24:** Động vật có ống tiêu hoá, thức ăn được tiêu hoá theo kiểu:

- A. Tiêu hoá ngoại bào.
- B. Một số tiêu hoá nội bào, còn lại tiêu hoá ngoại bào.
- C. Tiêu hoá nội bào.
- D. Tiêu hoá nội bào và ngoại bào.

**Câu 25:** Cho phép lai thuận P: ♀ lá xanh x lá đốm ♂ thu được F1: 100% lá xanh; phép lai nghịch P: ♀ lá đốm x lá xanh ♂ thu được F1: 100% lá đốm. Cho ♂ F1 của phép lai thuận giao phấn ♀ F1 của phép lai nghịch thu được F2 có kết quả là kết quả là:

- A. 100% lá xanh
- B. 100% lá đốm.
- C. 1 lá xanh: 1 lá đốm.
- D. 3 lá đốm: 1 lá xanh.

**Câu 26:** Một mạch của gen có số lượng từng loại nuclêôtit A: T: G: X theo thứ tự lần lượt chiếm tỷ lệ 1 : 1,5 : 2,25 : 2,75 so với tổng số nuclêôtit của mạch. Gen đó có chiều dài 0,2346 micrômet. Số liên kết hiđrô của gen bằng :

- A. 1840.
- B. 1725.
- C. 1794.
- D. 1380.

**Câu 27:** Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng trội hoàn toàn gen a quy định hạt xanh. Gen B quy định hạt trơn trội hoàn toàn gen b quy định hạt nhăn. Các gen này phân li độc lập. Kết quả phép lai cho tỷ lệ ở đời sau là: 3/8 hạt vàng, trơn : 3/8 hạt vàng, nhăn : 1/8 hạt xanh, trơn: 1/8 hạt xanh, nhăn. Kiểu gen của các cây bố, cây mẹ là:

- A. AaBb x AaBb.      B. Aabb x AaBb.      C. Aabb x Aabb.      D. aaBb x aaBb.

**Câu 28:** Phép lai AAAa x AAAa tạo kiểu gen Aaaa ở thế hệ sau với tỉ lệ

- A. 2/9.      B. 1/4.      C. 1/8.      D. 1/2.

**Câu 29:** Ở cà chua, gen A quy định tính trạng quả màu đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định tính trạng quả màu vàng. Lai những cây cà chua tứ bội với nhau ( $F_1$ ), thu được thế hệ lai ( $F_2$ ) phân li theo tỉ lệ 35 cây quả màu đỏ : 1 cây quả màu vàng. Cho biết quá trình giảm phân hình thành giao tử  $2n$  diễn ra bình thường. Kiểu gen của  $F_1$  là

- A. AAAa x AAAa      B. AAAa x Aaaa      C. Aaaa x Aaaa      D. AAAa x AAAa

**Câu 30:** Biết 1 gen quy định một tính trạng, các cặp gen nằm trên các cặp NST khác nhau, tính trội là trội hoàn toàn. Nếu thế hệ P có kiểu gen AABBDD x aabbdd thì thế hệ lai thứ 2 sẽ xuất hiện bao nhiêu biến dị tổ hợp về kiểu hình?

- A. 2.      B. 4.      C. 6.      D. 8.

**Câu 31:** Ở một loài động vật, người ta đã phát hiện 4 nòi có trình tự các gen trên nhiễm sắc thể số III như sau: Nòi 1: ABCDEFGHI; nòi 2: HEFBAGCDI; nòi 3: ABFEDCGHI; nòi 4: ABFEHGCDI. Cho biết nòi 1 là nòi gốc, các nòi còn lại được phát sinh do một đột biến đảo đoạn. Trình tự đúng của sự phát sinh các nòi trên là:

- A. 1 → 4 → 2 → 3.      B. 1 → 3 → 4 → 2.      C. 1 → 2 → 4 → 3.      D. 1 → 3 → 2 → 4.

**Câu 32:** Ở những loài giao phối (động vật có vú và người), tỉ lệ đực cái xấp xỉ 1:1 vì

- A. Cơ thể XY tạo giao tử X và Y với tỉ lệ bằng nhau.  
B. Số giao tử đực bằng với số giao tử cái.  
C. Con cái và con đực có số lượng bằng nhau.  
D. Sức sống của các giao tử như nhau.

**Câu 33:** Khi lai 2 giống bí ngô thuần chủng quả dẹt và quả dài với nhau được  $F_1$  đều có quả dẹt. Cho  $F_1$  lai với bí quả tròn được  $F_2$ : 152 bí quả tròn: 114 bí quả dẹt: 38 bí quả dài. Nếu cho  $F_1$  lai với nhau thì tỉ lệ bí quả tròn dị hợp xuất hiện là

- A. 1/8.      B. 2/3.      C. 1/4.      D. 3/8.

**Câu 34:** Xét 2 cặp gen: cặp gen Aa nằm trên cặp NST số 2 và Bb nằm trên cặp NST số 5. Một tế bào sinh tinh trùng có kiểu gen AaBb khi giảm phân, cặp NST số 2 không phân li ở kì sau I trong giảm phân, cặp NST số 5 phân li bình thường thì tế bào này có thể sinh ra những loại giao tử nào?

- A. AaB, Aab, B0, b).      B. AaB, b hoặc Aab, B.  
C. AAB, b hoặc aaB, b.      D. AaB, B hoặc Aab, b.

**Câu 35:** Các gen trội lặn hoàn toàn, cho P: AaaaBBbb tự thụ thu được  $F_1$ . Có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Đồng hợp tử lặn về tất cả các gen bằng 1/144.  
(2)  $F_1$  có kiểu hình A-,B- bằng 35/48.  
(3)  $F_1$  có 15 loại kiểu gen, 4 loại kiểu hình.  
(4)  $F_1$  kiểu hình A-,B- có 9 kiểu gen.

- A. 1      B. 2.      C. 3.      D. 4.

### III. Vận dụng

**Câu 36:** Cho các nhận định về đột biến cấu trúc NST dưới đây:

- Cơ chế gây ra đột biến cấu trúc NST là do đứt gãy NST, hoặc trao đổi chéo giữa các NST.
- Đột biến mất đoạn, cùng với hoán vị gen và đột biến lệch bội được dùng để xác định vị trí gen trên NST.
- Mất đoạn chứa gen A trong một NST của cặp tương đồng chứa cặp gen Aa sẽ làm gen lặn có cơ hội biểu hiện thành kiểu hình trong thế đột biến.
- Sự trao đổi chéo không cân giữa 2 cromatit khác nguồn của 2 NST tương đồng gây ra đột biến lặp đoạn và mất đoạn

Có bao nhiêu nhận định đúng? Có bao nhiêu nhận định đúng:

- A. 1.      B. 2.      C. 3.      D. 4.



Đáp án

<b>1</b>	D	<b>11</b>	A	<b>21</b>	B	<b>31</b>	B
<b>2</b>	D	<b>12</b>	B	<b>22</b>	A	<b>32</b>	A
<b>3</b>	B	<b>13</b>	A	<b>23</b>	D	<b>33</b>	C
<b>4</b>	B	<b>14</b>	A	<b>24</b>	A	<b>34</b>	B
<b>5</b>	A	<b>15</b>	B	<b>25</b>	B	<b>35</b>	C
<b>6</b>	D	<b>16</b>	C	<b>26</b>	A	<b>36</b>	B
<b>7</b>	B	<b>17</b>	A	<b>27</b>	B	<b>37</b>	D
<b>8</b>	C	<b>18</b>	A	<b>28</b>	A	<b>38</b>	A
<b>9</b>	C	<b>19</b>	D	<b>29</b>	B	<b>39</b>	D
<b>10</b>	D	<b>20</b>	A	<b>30</b>	C	<b>40</b>	A